TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2024
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Ức và ông Nguyễn Thành Lil

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã B, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Nguyễn Thị Thì E, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã A, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Văn Đ trình bày: Hôn nhân của anh chị là do vợ chồng tự tìm hiểu tình cảm và được cha mẹ hai bên đồng ý nên dẫn đến kết hôn vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 54 ngày 02/5/2019 tại UBND xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên xãy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 9/2023 cho đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thì E.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Nguyễn Thị Thì E đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị E đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 191, 192, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho anh Trần Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thì E; về con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ khai không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xE xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xE xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Anh Trần Văn Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thì E có nơi cư trú tại tổ 9, ấp Long Hòa, xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thì E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị E.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thì E kết hôn với nhau vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xE là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc và anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 09/2023 cho đến nay. Từ khi anh chị sống ly thân nhau anh chị cũng không có thiện chí khắc phục những mâu thuẫn gia đình để vợ chồng đoàn tụ và kể từ ngày anh Đ nộp đơn xin ly hôn với chị E cho đến nay, chị E đã cố tình né tránh không đến tòa án để tham gia hòa giải cũng như tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét, cho anh Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thì E.

[2] Về con chung: Không có

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ khai vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chị E vắng mặt nên HĐXX không xE xét về tài sản chung của anh chị. Nếu chị E chứng minh được vợ chồng có tài sản chung và yêu cầu chia tài sản chung thì chị có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Trần Văn Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Anh Trần Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thì E.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 54 ngày 02/5/2019 do UBND xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thì E không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số: 0007759 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

"*Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ*".

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

Huỳnh Ngọc Lan